

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**
Số: 416/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kon Tum, ngày 13 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định mức đạt chuẩn Bộ tiêu chí về: xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025 và phân công đơn vị phụ trách tiêu chí

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; số 319/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 về quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 112/TTr-SNN ngày 09 tháng 6 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định mức đạt chuẩn Bộ tiêu chí quốc gia về: xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025 và phân công đơn vị phụ trách tiêu chí (*Chi tiết tại Phụ lục 01, 02, 03 kèm theo*).

Quy định này là căn cứ để xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện, hướng dẫn, chỉ đạo xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021- 2025 và để kiểm tra, đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiêu chí và công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan theo chức năng nhiệm vụ và lĩnh vực phụ trách, ban hành hướng dẫn thực hiện đối với các tiêu chí, chỉ tiêu theo quy định tại Quyết định này.

- Thường xuyên kiểm tra, tra đổi, giám sát trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định này.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu theo các quy định tại Quyết định này.

2. Thủ trưởng các Sở, ban ngành căn cứ thẩm quyền, chức năng nhiệm vụ quản lý Nhà nước được giao có trách nhiệm chỉ đạo, phối hợp, hướng dẫn, giúp đỡ các địa phương thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí; ban hành hướng dẫn thực hiện đối với các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc các bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 trong thời gian 15 ngày kể từ ngày quyết định này ký ban hành.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các Hội, đoàn thể các cấp, các cơ quan thông tin đại chúng phối hợp tuyên truyền vận động thực hiện tốt các tiêu chí, chỉ tiêu theo quy định tại quyết định này.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các phòng, ban, đơn vị liên quan và Ủy ban nhân dân các xã tổ chức triển khai thực hiện tốt các quy định tại quyết định này; chỉ đạo tổ chức đánh giá, thẩm tra, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu hằng năm theo các quy định tại quyết định này.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định mức đạt chuẩn các Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025 nếu có phát sinh vướng mắc, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với Bộ tiêu chí theo quy định của Trung ương, điều kiện kinh tế xã hội của tỉnh và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Chánh Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Phụ lục 01:
**QUY ĐỊNH MỨC ĐẠT CHUẨN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ
NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ PHÂN CÔNG ĐƠN VỊ
PHỤ TRÁCH TIÊU CHÍ**

*(Kèm theo Quyết định số: 416/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

I. QUY HOẠCH

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng		
				Các xã khu vực III thuộc các huyện: Kon Plông, Tu Mơ Rông, Ia H'Drai, Kon Rẫy, Đăk Glei và Sa Thầy	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã ¹ được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt		Sở Xây dựng
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt		

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng		
				Các xã khu vực III thuộc các huyện: Kon Plông, Tu Mơ Rông, Ia H'Drai, Kon Rẫy, Đăk Glei và Sa Thầy	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	%	100%		Sở Giao thông vận tải

⁽¹⁾ Quy hoạch chung xây dựng xã phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện: Cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và bảo vệ môi trường nông thôn; khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (hạ tầng khu sơ chế, chế biến, trung chuyển nguyên liệu và sản phẩm nông nghiệp) phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng		
				Các xã khu vực III thuộc các huyện: Kon Plông, Tu Mơ Rông, Ia H'Drai, Kon Rẫy, Đăk Glei và Sa Thầy	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	%	≥80%	100%	Sở Giao thông vận tải
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm		100% (60% được cứng hóa)	100% (80% được cứng hóa)	Sở Giao thông vận tải
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm		≥60%	≥70%	Sở Giao thông vận tải
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên		Đạt		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Đạt	Đạt		
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Đạt		Sở Công Thương
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	%	≥95%	≥98%	
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	Đạt	- Xã có hơn 3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất (CSVCh) tối thiểu, trong đó ≥70% đạt tiêu chuẩn CSVCh mức độ 1. - Xã có từ 03 trường trở xuống: 100% đạt tiêu chuẩn CSVCh tối thiểu, trong đó ≥50% đạt tiêu chuẩn CSVCh mức độ 1.		Sở Giáo dục và Đào tạo
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Đạt	Đạt		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng		
				Các xã khu vực III thuộc các huyện: Kon Plông, Tu Mơ Rông, Ia H'Drai, Kon Rẫy, Đăk Glei và Sa Thầy	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định ²	Đạt	Đạt		
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng	%	100%		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa	Đạt	Đạt		Sở Công Thương
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Đạt	Đạt		Sở Thông tin và Truyền thông
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Đạt	Đạt		
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	Đạt		
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Đạt	Đạt		
9	Nhà ở dân cư	9.1. Nhà tạm, dột nát	Không	Không		Sở Xây dựng
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	%	≥75%		

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng			
				Các xã khu vực III tại các huyện: Kon Plông, Tu Mơ Rông, Ia H'Drai, Kon Rẫy, Đăk Glei và Sa Thầy	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí	
10	Thu nhập bình quân	Thu nhập bình quân	Năm 2021	Tr.đ	≥36	≥41	Cục Thống kê tỉnh
			Năm 2022	Tr.đ	≥39	≥44	
			Năm 2023	Tr.đ	≥42	≥47	

⁽²⁾ Điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em của xã phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng			
				Các xã khu vực III tại các huyện: Kon Plông, Tu Mơ Rông, Ia H'Drai Kon Rẫy, Đăk Glei và Sa Thầy	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí	
				Năm 2024	Tr.đ	≥45	≥50
		đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2025	Tr.đ	≥48	≥53	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025			Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố chỉ tiêu cụ thể		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	%		≥70%		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	%		≥20%		
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Đạt		Đạt		Liên minh các hợp tác xã tỉnh
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt		Đạt		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Đạt		100% sản phẩm chủ lực có hồ sơ thực hiện truy xuất nguồn gốc (trong đó có ít nhất 01 sản phẩm được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương)		
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt		Đạt		
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	Đạt		Đạt		

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng		
				Các xã khu vực III tại các huyện: Kon Plông, Ia H'Drai, Kon Rẫy, Đăk Glei và Sa Thầy	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	Đạt	<ul style="list-style-type: none"> - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2. - Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: $\geq 98\%$. - Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2. - Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2. - Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá/xếp loại: Khá. 		Sở Giáo dục và Đào tạo
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)		$\geq 70\%$		
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	%	$\geq 90\%$		Bảo hiểm xã hội tỉnh
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt		
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	%	$\leq 26,5\%$	$\leq 24\%$	Sở Y tế
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	%	$\geq 50\%$		
16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới.	%	70%		Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng		
					Các xã khu vực III tại các huyện: Kon Plông, Ia H'Drai, Kon Rẫy, Đăk Glei và Sa Thầy	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn.	Xã không thuộc khu vực III	%	≥30% (≥10% từ hệ thống cấp nước tập trung)		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
			Xã khu vực III		≥20% (≥10% từ hệ thống cấp nước tập trung)		
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.		%	≥90%		Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.		Đạt	Đạt		Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn.		≥2m ² /người	Đạt		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch		Đạt	Đạt		Sở Xây dựng
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định.		%	≥70%		Sở Tài nguyên và Môi trường

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng		
				Các xã khu vực III tại các huyện: Kon Plông, Tu Mơ Rông, Ia H'Drai, Kon Rẫy, Đăk Glei và Sa Thầy	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	%	100%		Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ³	%	≥70%		Sở Y tế
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.	%	≥60%		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	%	100%		Sở Y tế
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn.	%	≥30%		Sở Tài nguyên và Môi trường
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.	%	≥30%		

⁽³⁾ Đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ (theo nội dung cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” do Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng		Sở, ngành phụ trách tiêu chí
				Các xã khu vực III tại các huyện: Kon Plông, Tu Mơ Rông, Ia H'Drai, Kon Rẫy, Đăk Glei và Sa Thầy	Các xã còn lại	
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn.	Đạt	Đạt		Sở Nội vụ
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	Đạt	Đạt		
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	%	100%		
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.	Đạt	Đạt		Sở Tư pháp
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Đạt		Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn.	Đạt	Đạt		Văn phòng điều phối chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng.	Đạt	Đạt		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu theo vùng		
				Các xã khu vực III tại các huyện: Kon Plông, Tu Mơ Rông, Ia H'Drai, Kon Rẫy, Đăk Glei và Sa Thầy	Các xã còn lại	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt	Đạt		Công an tỉnh

Phụ lục 02:

QUY ĐỊNH MỨC ĐẠT CHUẨN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ PHÂN CÔNG ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH TIÊU CHÍ

(Kèm theo Quyết định số: 416/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO GIAI ĐOẠN 2021 - 2025:

1. Là xã đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025).
2. Đạt các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, bao gồm:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu đạt	Sở, ngành phụ trách tiêu chí	
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch	Đạt	Đạt	Sở Xây dựng	
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Đạt		
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên	Đạt	Đạt		
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) theo quy định	%	50%	Sở Giao thông vận tải	
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp	Được cứng hóa và bảo trì hàng năm	%	100%	Sở Giao thông vận tải
			Có các hạng mục cần thiết theo quy định (biển báo, biển chỉ dẫn, chiếu sáng, gờ giảm tốc, cây xanh...) và đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	%	50%	
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp	%	≥85%		
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa	%	80%		
3	Thủy lợi và	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động	%	≥90%	Sở Nông nghiệp và	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu đạt	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
	Phòng, chống thiên tai	3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở hoạt động hiệu quả, bền vững	Đạt	Đạt	Phát triển nông thôn
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của địa phương được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước	%	20%	
		3.4. Có 100% số công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng được bảo trì hàng năm	Đạt	Đạt	
		3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Đạt	Đạt	
		3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ	Khá	Khá	
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định	%	≥98%	Sở Công Thương
5	Giáo dục	5.1. Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, THCS, hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 và có ít nhất 01 trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	%	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Đạt	
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và THCS	Mức độ 3	Mức độ 3	
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ	Mức độ 2	Mức độ 2	
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại	Khá	Khá	
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền	Đạt	Đạt	
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Đạt	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	Đạt	Đạt	
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	%	100%	
7	Cơ sở hạ tầng	Có mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu	Đạt	Đạt	Sở Công Thương

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu đạt	Sở, ngành phụ trách tiêu chí	
	thương mại nông thôn	cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm				
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân	Đạt	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông	
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh	%	55%		
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Đạt	Đạt		
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	Đạt	- Sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên trang thông tin điện tử, mạng xã hội. - Xã có 100% địa chỉ được gán, cập nhật địa chỉ bưu chính (gắn với bản đồ V – MAP)		
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Đạt	≥1 địa điểm		
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố	%	85%	Sở Xây dựng	
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2021	Tr.đ	≥48	Cục Thống kê
			Năm 2022	Tr.đ	≥52	
			Năm 2023	Tr.đ	≥56	
			Năm 2024	Tr.đ	≥60	
			Năm 2025	Tr.đ	≥64	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025		Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công bố chỉ tiêu cụ thể	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	%	≥75%	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	%	≥25%		
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn	%	10%		
13	Tổ chức	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn	HTX	≥1	Liên minh các hợp tác	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu đạt	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
	sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	định			xã tỉnh
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	SP	≥1 sản phẩm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao, hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu, liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm	MH	≥1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã	Đạt	≥1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử	%	≥10	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng	Vùng	≥1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Đạt	Đạt	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường)	MH	≥1	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	%	≥95%	Bảo hiểm xã hội tỉnh
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	%	≥90%	Sở Y tế
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	%	≥40%	
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	%	≥70%	
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Đạt	Đạt	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên	Đạt	Đạt	
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Đạt	Đạt	
16	Tiếp cận	16.1. Có mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt	≥1	≥1	Sở Tư pháp

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu đạt	Sở, ngành phụ trách tiêu chí	
	pháp luật	động hiệu quả được công nhận				
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành công.	%	≥90%		
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	%	≥90%		
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Sở Tài nguyên và Môi trường	
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	%	100%		
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	%	≥80%		
		17.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả	%	≥30%		
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	%	≥50%		
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại trên địa bàn được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	%	100%		
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu và các sản phẩm thân thiện với môi trường	%	≥80%		
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	%	≥75%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
		17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Sở Xây dựng	
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	≥5%		
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	≥4m ² / người	Đạt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	%	≥50%	Sở Tài nguyên và Môi trường	
18	Chất lượng	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng	Xã không thuộc khu vực III	%	≥35%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		ĐVT	Chỉ tiêu đạt	Sở, ngành phụ trách tiêu chí
	môi trường sống	dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung	Xã khu vực III		$\geq 25\%$	triển nông thôn
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm	Xã không thuộc khu vực III	lít	≥ 60 lít	
			Xã khu vực III		≥ 40 lít	
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững	Xã không thuộc khu vực III	%	$\geq 25\%$	
			Xã khu vực III		$\geq 20\%$	
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm		%	100%	Sở Y tế
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý của xã		Không	Không	
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm		%	100%	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy Quân sự xã và lực lượng dân quân		Đạt	Đạt	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (giao thông, cháy, nổ) nghiêm trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả		Đạt	Đạt	Công an tỉnh

Phụ lục 03:**QUY ĐỊNH MỨC ĐẠT CHUẨN BỘ TIÊU CHÍ QUỐC GIA VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 VÀ PHÂN CÔNG ĐƠN VỊ PHỤ TRÁCH TIÊU CHÍ**

(Kèm theo Quyết định số: 416/QĐ-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 LÀ XÃ:

1. Đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; đối với các xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018 - 2020, phải tập trung rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

2. Đảm bảo đạt các tiêu chí sau:

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	ĐVT	Chỉ tiêu đạt	Sở, ngành phụ trách
1	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người của xã tại thời điểm xét, công nhận xã nông thôn mới kiểu mẫu phải cao hơn từ 10% trở lên so với mức thu nhập bình quân đầu người áp dụng theo quy định đối với xã nông thôn mới nâng cao tại cùng thời điểm.	%	$\geq 10\%$	Cục Thống kê tỉnh
2	Mô hình nông thôn thông minh	Có mô hình thôn thông minh do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định	MH	≥ 1	Sở Thông tin và Truyền thông
3	Đạt tiêu chí quy định xã nông thôn mới kiểu mẫu theo ít nhất một trong các lĩnh vực nổi trội nhất về:				
3.1	Về sản xuất	Có mô hình tích hợp đa giá trị, tạo ra giá trị gia tăng tối ưu trên một diện tích canh tác, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, tạo ra sản phẩm chủ lực của xã, có hợp đồng liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm.			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3.2	Về giáo dục	- Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 99%. - Tỷ lệ trẻ em hoàn thành Chương trình tiểu học vào học lớp 6 đạt trên 99%. - Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở đạt ít nhất 95%.			Sở Giáo dục và Đào tạo

3.3	Về Văn hóa	<ul style="list-style-type: none"> - Có phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao phát triển mạnh, có thành tích. Có đội văn nghệ quần chúng, đội công chiêng - xoang, dân ca, dân vũ được tổ chức tốt. - Có ít nhất 02 câu lạc bộ loại hình văn hóa, gia đình hoặc thể thao hoạt động hiệu quả. 	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3.4	Về du lịch	<ul style="list-style-type: none"> - Có điểm du lịch thuộc 1 hay nhiều loại hình: Văn hóa, sinh thái, thể thao, tham quan.... được giới thiệu trên trang web, trang thông tin điện tử của địa phương. - Có hướng dẫn viên địa phương phục vụ du lịch cộng đồng. 	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
3.5	Về cảnh quan môi trường	Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.	Sở Tài nguyên và Môi trường
3.6	Về an ninh trật tự	<ul style="list-style-type: none"> - Hàng năm Đảng ủy xã có Nghị quyết, Ủy ban nhân dân xã có kế hoạch về công tác bảo đảm an ninh, trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác bảo đảm an ninh, trật tự và phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. - Không để xảy ra các hoạt động theo quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều 4 Thông tư số 124/2021/TT-BCA ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Bộ Công an. - Không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật. - Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội; tệ nạn xã hội được kiểm chế, giảm so với năm trước. - Có một trong các mô hình về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và mô hình có sử dụng camera phục vụ công tác đảm bảo an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả. - Tập thể Công an xã đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” trở lên, không có cán bộ, chiến sỹ vi phạm bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, không có cá nhân vi phạm kỷ luật. 	Công an tỉnh
3.7	Về chuyển đổi số	Có thực hiện chuyển đổi số về quản lý nhà nước và an sinh xã hội.	Sở Thông tin và Truyền thông